UBND TỈNH QUẢNG NINH
BAN TỔ CHỨC
HỘI THI STKT QUẢNG NINH

Số: 24 /KH-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2013

THỂ LỆ
Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV, năm 2012 - 2013

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa

Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là Hội thi) lần thứ IV, năm 2012 – 2013, được tổ chức nhằm:

- Thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo, khai thác, phát huy tiềm năng sáng tạo to lớn của quần chúng, không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nhanh chóng ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Tỉnh.

- Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV là hoạt động thiết thực chào mừng kỷ niệm 50 năm ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh (1963 - 2013).

- Tuyển chọn các giải pháp kỹ thuật có tính mới, tính sáng tạo được áp dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả cao tham gia Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc.

- Quá trình triển khai và tổ chức Hội thi phải đồng bộ, đảm bảo hiệu quả, thiết thực, tránh hình thức.

- Việc đánh giá, xếp loại các giải pháp sáng tạo kỹ thuật phải được tiến hành nghiêm túc, công bằng, chính xác…

Điều 2. Cơ quan tổ chức

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chủ trì và chỉ đạo tổ chức Hội thi.

- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV (năm 2012 – 2013).

Điều 3. Lĩnh vực thi

Tất cả các giải pháp sáng tạo kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống, kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục, môi trường, quản lý

Nhà nước, an ninh quốc phòng đều có quyền tham dự Hội thi. Các giải pháp dự thi đăng ký theo 6 lĩnh vực sau đây:

1. Lĩnh vực Nông, Lâm, Ngư nghiệp, Tài nguyên và Môi trường.

- Các giải pháp nâng cao năng suất, tăng hiệu quả cạnh tranh các loại cây trồng, vật nuôi...;

- Các giải pháp nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới;

- Các giải pháp về phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường về nguồn lợi biển, thủy sản, chú ý về khai thác và nuôi trồng, chế biến thủy sản, quản lý thủy sản sau thu hoạch;

- Các giải pháp về phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng;

- Các giải pháp, mô hình quản lý, thu gom, tái chế, xử lý các chất thải trong công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp, y tế, sinh hoạt...;

- Các giải pháp nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu;

- Các công nghệ xử lý chất thải, sản xuất sạch;

- Các giải pháp khác thuộc lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quy định tại Bản Thể lệ này.

2. Lĩnh vực Công nghiệp, Giao thông vận tải, Xây dựng.

- Phương pháp, quy trình, công nghệ mới, thi công các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi an toàn, tiết kiệm, hiệu quả;

- Quy trình, công nghệ sản xuất, sử dụng vật liệu, kết cấu mới trong xây dựng, giao thông mang lại hiệu quả kinh tế, kỹ thuật cao, bền vững;

- Quy trình công nghệ mới tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, tiết kiệm năng lượng;

- Các giải pháp sử dụng vật liệu, kết cấu mới trong xây dựng giao thông...;

- Sản xuất mới, cải tiến công nghệ các máy móc, cơ khí tự động hóa, thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất và đời sống, hợp lý hóa dây chuyền sản xuất;

- Các phương pháp về cơ khí hóa nông nghiệp nông thôn, bảo quản chế biến các loại nông sản, thực phẩm;

- Các giải pháp khác thuộc lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quy định tại Bản Thể lệ này.

3. Lĩnh vực Vật liệu, Hóa chất, Năng lượng.

- Các giải pháp tạo ra các loại vật liệu, hóa chất, năng lượng mới phục vụ sản xuất, đời sống, thân thiện với môi trường;

- Công nghệ nhằm tiết kiệm năng lượng và ứng dụng năng lượng mới vào sản xuất, đời sống;

- Ứng dụng các công nghệ, vật liệu mới vào sản xuất, đời sống nhằm tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng mới;

- Các giải pháp khác thuộc lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quy định tại Bản Thể lệ này.

4. Lĩnh vực Y dược.

- Quy trình, công nghệ mới sản xuất, cải tiến sản xuất dược phẩm;

- Nghiên cứu, chế tạo, cải tiến các trang thiết bị y tế... phục vụ khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân;

- Quy trình, giải pháp, phương pháp mới, tiên tiến ứng dụng trong phòng và điều trị bệnh đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn;

- Các giải pháp khác thuộc lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quy định tại Bản Thể lệ này.

5. Lĩnh vực Công nghệ thông tin, Điện tử, Viễn thông.

- Các giải pháp phục vụ quản lý hoặc giải quyết các vấn đề kỹ thuật của những lĩnh vực khác nhau, có ý nghĩa trong đời sống xã hội;

- Các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý Nhà nước, sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn...;

- Các giải pháp khác thuộc lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quy định tại Bản Thể lệ này.

6. Lĩnh vực quản lý nhà nước, giáo dục- đào tạo và lĩnh vực khác

- Các giải pháp tổ chức và quản lý, cải cách hành chính, phục vụ - quản lý Nhà nước mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, trật tự an ninh xã hội, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm....;

- Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo như: Cải tiến phương pháp dạy và học; Biên soạn, cải tiến giáo trình; cải tiến phương pháp quản lý... mang lại hiệu quả, chất lượng dạy và học cao hơn hẳn các phương pháp đã biết;

- Phương pháp quản lý đào tạo, giáo dục và giảng dạy, đào tạo nghề cho nông thôn ...;

- Đồ chơi phục vụ nhu cầu học tập, giải trí của trẻ em;

- Đồ dùng, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học;

- Các giải pháp khác thuộc lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quy định tại Bản Thể lệ này.

Điều 4. Đối tượng dự thi

1. Mọi cá nhân người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, cá nhân người nước ngoài đang làm việc và sinh sống tại Việt Nam, không phân biệt lứa tuổi, thành phần, dân tộc, nghề nghiệp, có các giải pháp kỹ thuật là kết quả của hoạt động sáng tạo, sáng kiến, cải tiến và ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động kinh tế - xã hội thuộc tất cả các lĩnh vực nêu trên được tạo ra và áp dụng tại Quảng Ninh từ năm 2007 trở lại đây đều có quyền tham dự Hội thi.

2. Tập thể, cá nhân có thể tham gia dự thi một hoặc nhiều giải pháp.

3. Mọi tổ chức của Việt Nam đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã đầu tư để tạo ra giải pháp kỹ thuật áp dụng có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm 2007 trở lại đây đều có quyền đứng tên tham dự Hội thi. Trong trường hợp này, những người trực tiếp tham gia sáng tạo ra giải pháp kỹ thuật được tổ chức đứng tên dự thi đăng ký là tác giả hoặc nhóm tác giả của giải pháp kỹ thuật dự thi đó.

4. Các giải pháp, công trình đã đoạt giải Giải thưởng Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam (*VIFOTEC),* Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc và của các tỉnh, thành; Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Ninh các lần trước không được tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Quảng Ninh lần thứ IV, năm 2012 - 2013.

Điều 5. Tiêu chuẩn đánh giá giải pháp dự thi

1. Có tính mới, tính sáng tạo:

- Giải pháp dự thi không trùng với giải pháp đã được công bố trong bất kỳ nguồn thông tin nào có ở Việt Nam hoặc đã được áp dụng ở tỉnh Quảng Ninh trước thời điểm nộp hồ sơ dự thi.

- Giải pháp sáng tạo hoàn toàn mới.

- So với giải pháp đã có, nay cải tiến để mang lại hiệu quả cao hơn.

2. Có tính ứng dụng rộng và nhân rộng

Giải pháp dự thi đã được áp dụng rộng rãi, hoặc sản phẩm do giải pháp dự thi tạo ra được khách hàng chấp nhận *(thông qua hợp đồng kinh tế bán hàng, chuyển giao giải pháp hoặc hóa đơn sản phẩm).*

Trong trường hợp, giải pháp dự thi đang trong quá trình sản xuất thử nghiệm thì tác giả dự thi phải chứng minh giải pháp này có khả năng áp dụng rộng rãi.

3. Có hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội:

Giải pháp mang lại lợi ích kinh tế, kỹ thuật, xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã áp dụng ở Quảng Ninh, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, điều kiện sống, làm việc của con người và xã hội.

Điều 6. Hồ sơ dự thi *(trình bày trên khổ giấy A4)*

Hồ sơ dự thi gửi Ban Tổ chức 04 bộ (02 bộ gốc, 02 bộ phô tô và 01 đĩa CD ghi các file mềm giải pháp), bao gồm *Phiếu đăng ký dự thi, Bản mô tả giải*

pháp dự thi, Toàn văn giải pháp dự thi và *Bản nhận xét giải pháp (nếu có).* Cụ thể như sau:

1. Phiếu đăng ký dự thi (ghi theo mẫu 01 kèm theo) gồm các nội dung sau:

+ Họ và tên người dự thi hoặc tên tổ chức dự thi;

+ Ngày tháng năm sinh;

+ Trình độ văn hóa, học hàm học vị *(nếu có)*;

+ Quốc tịch, giới tính, dân tộc, tôn giáo;

+ Địa chỉ nơi làm việc, nơi cư trú, điện thoại liên hệ *(nếu có);*

+ Nghề nghiệp của tác giả hoặc nhóm tác giả *(nếu là nhóm tác giả thì có riêng từng cá nhân)*;

+ Tên giải pháp dự thi *(tên ngắn gọn nhưng thể hiện đủ bản chất của giải pháp);*

+ Lĩnh vực dự thi;

+ Thời điểm tạo ra giải pháp *(ghi rõ ngày tháng năm);*

+ Văn bản thỏa thuận của các đồng tác giả về phần trăm đóng góp và ủy quyền cho 01 (một) người đứng ra làm đại diện dự thi nếu giải pháp do một nhóm tác giả tạo ra;

+ Cam đoan của người dự thi về những điều ghi trong hồ sơ là đúng sự thật;

+ Xác nhận của tổ chức cho phép dự thi *(nếu tác giả dự thi với tư cách cá nhân hoặc tập thể thuộc tổ chức)* hoặc xác nhận của địa phương nơi tác giả cư trú.

2. Bản mô tả tóm tắt giải pháp dự thi (ghi theo mẫu 02 kèm theo) gồm nội dung sau:

+ Tên giải pháp dự thi *(ghi theo phiếu đăng ký dự thi);*

+ Mô tả giải pháp kỹ thuật đã biết *(nếu có),* mô tả ngắn gọn các giải pháp kỹ thuật đã biết trước ngày tạo ra giải pháp dự thi, đặc biệt cần nêu rõ những nhược điểm cần khắc phục của các giải pháp đó;

+ Mô tả giải pháp dự thi, thuyết minh tính mới, tính sáng tạo của giải pháp dự thi. Mô tả ngắn gọn, nhưng đầy đủ và rõ ràng toàn bộ nội dung của giải pháp dự thi. Đặc biệt, cần nêu rõ đã khắc phục những nhược điểm nào, sáng kiến cải tiến những chỉ tiêu nào của giải pháp kỹ thuật đã biết *(nếu có)* hoặc những sáng tạo hoàn toàn;

+ Khả năng áp dụng được chứng minh qua hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng thử nghiệm, hợp đồng bán hàng hoặc hóa đơn bán hàng;

+ Hiệu quả kinh tế của giải pháp dự thi là lợi ích trực tiếp có thể thu được do áp dụng giải pháp mới vào sản xuất.

+ Hiệu quả kỹ thuật thể hiện bằng những chỉ tiêu kỹ thuật mới, tiến bộ hơn so với kỹ thuật đã biết trước đó.

+ Hiệu quả xã hội như cải thiện đời sống, nâng cao trình độ dân trí, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động …

+ Mô tả giải pháp có thể kèm theo bản vẽ, sơ đồ, hình ảnh, các tính toán minh họa.

3. Toàn văn giải pháp dự thi:

Cần nêu cụ thể quá trình từ khi bắt đầu thực hiện đến khi ban hành giải pháp. Các tác giả có thể gửi kèm theo mô hình, sản phẩm chế thử, sơ đồ công nghệ, các bản vẽ, hình ảnh, các tính toán minh họa và các tài liệu liên quan khác. (nếu thấy cần thiết).

4. Bản nhận xét đối với giải pháp (nếu có):

Bản nhận xét, đánh giá hoặc biên bản ghi nhận kết quả ứng dụng, thử nghiệm... có dấu xác nhận của cơ quan quản lý, cơ quan kiểm nghiệm, hội đồng khoa học, đơn vị sử dụng...

Các tài liệu cần được trình bày rõ ràng, không tẩy xóa.

Điều 7. Nộp, nhận hồ sơ, xét chấm giải pháp và trao giải thưởng

1. Hồ sơ dự thi phải được đựng trong phong bì dán kín, có thể nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Cơ quan thường trực Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh theo địa chỉ:

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh

Số 20, phố Hải Phượng, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại cơ quan:033.3619285;Fax: 033.619286;
Email:lienhiephoi@quangninh.gov.vn

2. Thời hạn nhận, chấm điểm giải pháp và trao giải thưởng Hội thi:

+ Thời hạn nhận hồ sơ dự thi: Bắt đầu từ khi công bố Thể lệ Hội thi đến hết ngày 15/9/2013. Các hồ sơ nộp đến sau ngày 15/9 này sẽ được chuyển sang Hội thi năm kế tiếp;

+ Chấm điểm các giải pháp dự thi: Xong trước ngày 30/9/2013;

+ Thời gian tổ chức Lễ trao giải thưởng: Trong quý IV/2013.

3. Hồ sơ dự thi được tiếp nhận và lưu trữ cho tới ngày công bố kết quả Hội thi.

4. Hồ sơ dự thi không trả lại. Riêng sản phẩm hoặc mô hình sẽ được trả lại sau khi trao giải Hội thi nếu người dự thi yêu cầu.

5. Các giải pháp dự thi Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV (năm 2012 – 2013) có tính mới, tính sáng tạo được áp dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả cao, nếu đạt các tiêu chuẩn nêu trong Thể lệ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc sẽ được Ban Tổ chức tuyển chọn gửi tham dự Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc.

Điều 8. Đánh giá giải pháp dự thi

Hội đồng Giám khảo do Ban Tổ chức Hội thi thành lập. Việc đánh giá được thực hiện bằng cách cho điểm từng tiêu chuẩn theo thang điểm do Ban Tổ chức Hội thi quy định.

Điều 9. Giải thưởng

- Giải thưởng Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Quảng Ninh lần thứ IV có tối đa:

+ 02 giải nhất mỗi giải trị giá 20.000.000 đồng.

+ 03 giải nhì mỗi giải trị giá 15.000.000 đồng.

+ 06 giải ba mỗi giải trị giá 10.000.000 đồng.

+ 12 giải khuyến khích mỗi giải trị giá 5.000.000 đồng.

Các giải pháp đoạt giải được trao tặng Cúp, Giấy chứng nhận đạt giải và kèm theo tiền thưởng.

Ngoài ra, các tác giả hoặc trưởng nhóm (đối với giải pháp tập thể) đoạt giải ba đến giải nhất có thể được Ban Tổ chức đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng như: Bằng Lao động Sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (*tác giả hoặc trưởng nhóm là đoàn viên công đoàn đoạt giải nhất, nhì, ba ở lĩnh vực khoa học – kỹ thuật)*, Huy hiệu Tuổi trẻ sáng tạo (*tác giả là đoàn viên thanh niên đoạt giải nhất*), Bằng khen của Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bằng khen của BCH Tỉnh đoàn TNCSHCM (*tác giả là đoàn viên, thanh niên*); Bằng khen của Liên hiệp các hội KH&KT Việt Nam, Bằng khen của UBND Tỉnh; Bằng khen của Liên đoàn Lao động Tỉnh; Bằng khen của Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh (*tác giả là nữ*), Bằng khen của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh và các tổ chức hội, đoàn thể có liên quan. Các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức Hội thi, công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến Hội thi hoặc các hoạt động có liên quan đóng góp tích cực vào thành công của Hội thi được Ban Tổ chức đề nghị các cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

- Tác giả có mức đóng góp bằng chính lao động sáng tạo của mình từ 20% trở lên (đối với các giải pháp có đồng tác giả) mới được Ban Tổ chức Hội thi xét khen thưởng.

- Ban Tổ chức Hội thi cũng xét, khen thưởng cho những trường hợp đặc biệt (người dự thi có tuổi đời cao nhất, tuổi đời ít nhất; người dân tộc thiểu số; người khuyết tật,..)

- Danh sách các giải pháp đoạt giải được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh (www.quangninh.gov.vn) trong vòng 10 ngày, nếu có sự tranh chấp về quyền tác giả, Ban Tổ chức sẽ không công nhận giải.

Điều 10. Hội đồng Giám khảo, các Tổ chuyên gia

Hội đồng giám khảo, các tổ chuyên gia gồm các nhà quản lý, chuyên gia, các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực dự thi, do Ban Tổ chức Hội thi thành lập để giúp Ban Tổ chức Hội thi trong việc xem xét, đánh giá các giải pháp dự thi.

Điều 11. Tài chính

1.Kinh phí dành cho Hội thi được lấy từ các nguồn sau:

- Ngân sách Nhà nước của tỉnh cấp cho Hội thi thông qua Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh.

- Hỗ trợ, tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân .

2. Kinh phí dành cho Hội thi được chi cho các nội dung sau:

- Chi tổ chức triển khai các hoạt động Hội thi;

- Chi thưởng cho các giải pháp đoạt giải thưởng, các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, vận động, tổ chức và tham gia Hội thi;

- Chi các nội dung khác theo quy định.

Điều 12. Bảo hộ sở hữu trí tuệ

- Việc tham gia Hội thi không thay thế cho việc đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Khi phát hiện thấy giải pháp cần được bảo hộ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp…), Ban Tổ chức sẽ thông báo cho người dự thi lập hồ sơ yêu cầu được bảo hộ. Các giải pháp dự thi muốn được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phải tiến hành đăng ký tại Cục Sở hữu Trí tuệ trước ngày công bố trao thưởng của Ban tổ chức Hội thi.

- Các giải pháp được bảo hộ sẽ được hỗ trợ đăng ký bảo hộ của Nhà nước và địa phương theo quy định hiện hành.

Điều 13. Triển khai, nhân rộng các giải pháp đạt giải

Cơ quan thường trực tổ chức Hội thi (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh) chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tích cực tuyên truyền, phổ biến các giải pháp đạt giải nhằm triển khai nhân rộng trong thực tế.

Điều 14. Tổ chức thực hiện.

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh – Cơ quan thường trực tổ chức Hội thi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động Tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tập

đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam và các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các hoạt động Hội thi.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của Tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình tích cực hưởng ứng tham gia Hội thi và đăng ký giải pháp tham dự Hội thi.

3. Khuyến khích các ngành, địa phương, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức hội,... phát động tổ chức phong trào, cuộc thi sáng tạo kỹ thuật cấp cơ sở, nội bộ, tuyển chọn giải pháp dự thi Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Quảng Ninh lần thứ IV.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Bản Thể lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có điều gì chưa hợp lý, Cơ quan thường trực tổ chức Hội thi - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh tổng hợp và trình Ban Tổ chức Hội thi xem xét, sửa đổi cho phù hợp thực tế./.

Nơi nhận:
- BTC Hội thi STKT toàn quốc ;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở ban ngành liên quan;
- Đài PTTH Quảng Ninh, Báo QN;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Tập đoàn CN than – KS VN;
- Thành viên Ban Tổ chức Hội thi;
- Lưu BTC, LHH.

TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THI
TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH QUẢNG NINH
Đặng Huy Hậu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày……tháng……năm 20……

PHIẾU DỰ THI

Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV (2012-2013)

Kính gửi: Ban Tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV

1. Tôi là: ……

Ngày tháng năm sinh: …… Dân tộc: ……

Quốc tịch: …… Giới tính: Nam/Nữ ……

Trình độ văn hoá: …… Trình độ chuyên môn: ……

Nơi làm việc: ……

Địa chỉ liên hệ: ……

Điện thoại: …… Fax: ……

2. Tên giải pháp kỹ thuật dự thi:

……

……

……

Thuộc lĩnh vực: ……

……

3. Danh sách đồng tác giả:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	% đóng góp	Chức danh	Chữ ký

4. Ngày tạo ra giải pháp: Ngày …… tháng ……. năm ……...

5. Các tài liệu kèm theo:

1) Bản mô tả giải pháp kỹ thuật ☐

2) Toàn văn giải pháp kỹ thuật ☐

3) Mô hình, sản phẩm mẫu ☐

4) Bản nhận xét, đánh giá ☐

5) Các tài liệu khác ☐

Ghi chú: *- Có tài liệu nào thì đánh dấu vào ô đó.*

- Nếu bản mô tả đã đầy đủ rồi thì không cần toàn văn giải pháp.

Tôi (chúng tôi) xin được tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV, tôi (chúng tôi) xin cam đoan giải pháp kỹ thuật nói trên là của tôi (chúng tôi) nghiên cứu, sáng tạo ra.

……, Ngày ..... tháng ..... năm …….

Người dự thi

(Hoặc đại diện tổ chức dự thi ký tên, đóng dấu)

MÔ TẢ GIẢI PHÁP

(Tùy nội dung cụ thể của giải pháp, các tác giả có thể điền đầy đủ hoặc không vào mẫu mô tả này, và cũng có thể dùng các gợi ý trong mẫu để trình bày theo cách khác thuận tiện cho việc giới thiệu giải pháp)

1. Tên giải pháp *(Ghi giống trong phiếu dự thi)*

.....

.....

2. Giải pháp kỹ thuật đã biết: *(nêu tình trạng trước ngày tạo giải pháp dự thi của lĩnh vực tương ứng và nhược điểm của tình trạng này. Nên giới thiệu một giải pháp tương tự gần nhất với giải pháp dự thi nếu có)*

.....

.....

.....

3. Mục đích của giải pháp dự thi: *(nêu rõ mục đích khắc phục các nhược điểm của giải pháp đã biết, và các mục đích khác nếu có)*

.....

.....

.....

4. Giới thiệu giải pháp dự thi:

a. Nguyên lý của giải pháp:

.....

.....

.....

b. Các nội dung công nghệ chủ yếu: *(giới thiệu càng rõ càng tốt về quy trình công nghệ, kết cấu thiết bị, thành phần vật liệu..., nêu rõ bản vẽ, sơ đồ đính kèm)*

.....

.....

.....

c. Kết quả của giải pháp: *(thông số, chỉ tiêu, tính năng kỹ thuật đạt được)*

.....

.....

.....

5. Đánh giá giải pháp

a. Tính mới: *(Đánh dấu vào các ô thích hợp hoặc viết riêng)*

Giải pháp dự thi:

☐ - Lần đầu tiên thực hiện tại Quảng Ninh.

☐ - Đã được cấp Bằng độc quyền sáng chế, Giải pháp hữu ích.

☐ - Được thiết kế mô phỏng theo công nghệ của nước ngoài đã nhập vào Việt Nam.

☐ - Được thiết kế theo tài liệu của nước ngoài mà công nghệ chưa vào Việt Nam.

☐ - Mang tính kết hợp kỹ thuật của các ngành.

(Có thể lý giải thêm về các điểm đánh dấu trên đây hoặc điểm khác).

.....

.....

.....

.....

.....

b. Khả năng áp dụng:

☐ - Triển khai được ngay với trình độ kỹ thuật và thị trường vật tư trong nước hiện nay.

☐ - Cần một số chủng loại vật tư nhập không thông dụng *(nêu thêm bên dưới).*

☐ - Cần có một số điều kiện kỹ thuật *(nêu thêm bên dưới).*

☐ - Có tính áp dụng đơn chiếc.

☐ - Có tính áp dụng trong sản xuất loại nhỏ hoặc thời vụ.

☐ - Có tính áp dụng quy mô công nghiệp *(Lý giải thêm).*

.....

.....

.....

.....

c. Hiệu quả:

1- Kỹ thuật: *(So sánh các chỉ tiêu, thông số, kết cấu, tính linh hoạt của công nghệ so với các giải pháp cũ)*

.....

.....

.....

2- Kinh tế: *(Lợi nhuận đã, đang, sẽ hoặc có thể thu được)*

.....

.....

.....

3- Xã hội: *(cải thiện đời sống, nâng cao trình độ dân trí, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động...)*

.....

.....

.....

4- Mức độ triển khai:

☐ - Nội dung thiết kế đã có đủ các thông số kỹ thuật chủ yếu và khả thi

☐ - Đã thử nghiệm thành công (có phụ lục minh chứng ở phần sau) từ tháng ...

☐ - Đã sản xuất thử ở quy mô nhỏ từ tháng ...../.....

☐ - Đã sản xuất ổn định, đại trà từ tháng ...../.....

(Lý giải thêm)

.....

.....

.....

.....

6. Phụ lục minh họa: *(Đánh dấu vào các ô có tài liệu đính kèm)*

☐ - Bản gốc quyền Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp

☐ - Phiếu chứng nhận, kiểm nghiệm chất lượng hoặc độc tố

☐ - Bản vẽ, sơ đồ

☐ - Mô hình, Vật mẫu

☐ - Nhận xét của chuyên gia trong ngành

☐ - Nhận xét của ngành, chức năng liên quan

☐ - Hợp đồng kinh tế đã ký kết

☐ - Phiếu nhận xét của khách hàng

7. Các Thuyết minh khác:

.....

.....

.....

.....

....., Ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện tác giả

(Hoặc đại diện tổ chức dự thi

ký tên, đóng dấu)